

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỒNG NGỰ
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 53/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 25-4-2025
V/v ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trương Thanh Quang.
- Ông Bùi Tấn Dũng.

Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Y Phụng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Trần Thái Hưng – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 266/2024/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2024 về ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh ngày 01/01/1983. Địa chỉ cư trú: Ấp P, xã P, huyện H, tỉnh Đồng Tháp. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Chị Trần Thị L, sinh năm 1979. Địa chỉ cư trú: Ấp P, xã P, huyện H, tỉnh Đồng Tháp. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11/12/2024, trong quá trình tiến hành tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn anh Nguyễn Văn T, trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị L cưới nhau vào năm 1999, không nhớ

ngày tháng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện H, tỉnh Đồng Tháp. Hôn nhân do mai mối nhưng anh cũng đồng ý kết hôn với chị L, sau khi cưới thì vợ chồng cất nhà ở riêng tại ấp P, xã P, huyện H. Cuộc sống lúc đầu cũng hạnh phúc đến khi nào phát sinh mâu thuẫn không nhớ, chỉ nhớ cách đây hơn 10 năm, lúc đó con chung được 08-09 tuổi, thì vợ chồng mâu thuẫn, chung sống không còn hạnh phúc nữa. Nguyên nhân anh vợ và chị L chê anh nghèo nên vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau. Ngoài ra, không còn mâu thuẫn nào khác, sau đó anh bỏ đi làm ăn, chị L thì về nhà cha mẹ vợ sinh sống và vợ chồng không còn sống chung từ đó cho đến nay, anh và chị L cũng không có gặp nhau để hàn gắn tình cảm. Nay tình cảm vợ chồng không còn nữa, anh yêu cầu ly hôn với chị L.

2. Về việc nuôi con: Anh và chị L chung sống có 01 con chung, là con trai tên Nguyễn Văn T1 sinh ngày 31/10/2000, con chung Văn Tuấn sống cùng chị L từ khi được 08-09 tuổi, khi còn đi làm ở Bình Dương thì anh có đến thăm và gửi tiền, 02 năm nay thì không liên lạc nữa, hiện con chung đã trưởng thành đủ khả năng lao động sinh sống được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về chia tài sản chung: Anh và chị L chung sống có một căn nhà ở mé sông, bị sạt lở, sau đó Nhà nước cấp cho nền nhà tái định cư có chiều ngang 4,5m x chiều dài 20m, không nhớ sổ thừa đất, tờ bản đồ, tọa lạc tại tuyến dân cư P. Ngoài ra, vợ chồng không còn tài sản nào khác. Tài sản chung anh và chị L tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Anh và chị L chung sống không có thiếu nợ ai, cũng không ai nợ vợ chồng nên nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình tiến hành tố tụng bị đơn chị Trần Thị L đã được Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng chị L vẫn không có mặt và cũng không gửi văn bản ghi ý kiến của mình cho Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của anh T.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội

dụng vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Văn T, cho anh T được ly hôn với chị Trần Thị L. Về nuôi con chung: Con chung đã trưởng thành, về tài sản chung tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết và nợ chung không có nên không đề cập đến.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh Nguyễn Văn T có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự yêu cầu giải quyết ly hôn giữa anh với chị Trần Thị L. Hiện chị L đang cư trú tại ấp P, xã P, huyện H, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn chị Trần Thị L đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham dự phiên tòa sơ thẩm nhưng chị L vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt chị L theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Văn T và chị Trần Thị L được pháp luật công nhận. Vì, có đăng ký kết hôn, theo giấy chứng nhận kết hôn số 186, ngày 27/8/2004 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện H, tỉnh Đồng Tháp là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Hội đồng xét xử nhận thấy, anh Nguyễn Văn T trình bày anh và chị L chung sống mâu thuẫn về kinh tế trong gia đình nên vợ chồng thường xuyên cự cãi và không còn sống chung với nhau đã hơn 10 năm và cũng không gặp nhau để hàn gắn được tình cảm. Xét, trong hôn nhân vợ chồng cần phải thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và phải có nghĩa vụ sống chung cùng nhau, khi Tòa án tiến hành hòa giải cho anh T, chị L được đoàn tụ nhưng anh T vẫn cương quyết ly hôn với chị L. Chị L đã được Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông

báo kết quả kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng chị L cũng không đến Tòa án để hòa giải, hàn gắn tình cảm với anh T, điều này cho thấy chị L không có thiện chí để đoàn tụ với anh T. Nhận thấy hôn nhân giữa anh T, chị L không thể hàn gắn được, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận cho anh Nguyễn Văn T được ly hôn với chị Trần Thị L là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[5] Về việc nuôi con: Anh Nguyễn Văn T trình bày con chung Nguyễn Văn T1 sinh ngày 31/10/2000 đã trưởng thành, có khả năng lao động sinh sống được, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[6] Về chia tài sản chung: Anh T trình bày, anh và chị L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

[7] Về nợ chung: Anh T trình bày không có nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[8] Đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc nguyên đơn anh Nguyễn Văn T chịu 300.000đ án phí ly hôn được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo lai thu số 0014491 ngày 17/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự là phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường

vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Văn T. Cho anh Nguyễn Văn T được ly hôn với chị Trần Thị L.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn T chịu 300.000đ án phí ly hôn được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo lai thu số 0014491 ngày 17/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày tuyên án (ngày 25/4/2025). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Hồng Ngự;
- Lưu hồ sơ, lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký)

Nguyễn Thị Thùy Dung